

UBND HUYỆN NÚI THÀNH
BAN ĐẠI DIỆN HĐQT
NGÂN HÀNG CSXH
Số: 2685/QĐ-BĐD NHCS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Núi Thành, ngày 03 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao chỉ tiêu kế hoạch tín dụng năm 2024
Thực hiện theo Quyết định số 86/QĐ-NHCS ngày 10/01/2014 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) quy định về việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch tín dụng trong hệ thống NHCSXH

TRƯỞNG BAN ĐẠI DIỆN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI HUYỆN NÚI THÀNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 86/QĐ-NHCS ngày 10/01/2014 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) quy định về việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch tín dụng trong hệ thống NHCSXH;

Căn cứ Quyết định số 51/QĐ-BĐDNHCS ngày 27/3/2024 của Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Quảng Nam về việc giao chỉ tiêu kế hoạch tín dụng năm 2024;

Xét đề nghị của Giám đốc PGD NHCSXH huyện tại Tờ trình số 83/TTr-NHCS ngày 02/04/2024,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao chỉ tiêu kế hoạch tín dụng năm 2024 cho các xã, thị trấn theo danh mục đính kèm.

Điều 2. Giám đốc Phòng giao dịch NHCSXH huyện phối hợp cùng Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn giao chỉ tiêu kế hoạch tín dụng năm 2024 tại Quyết định này theo đúng quy định cho các thôn, khối phố để triển khai thực hiện.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 4. Ban đại diện HĐQT NHCSXH huyện, Ủy Ban nhân dân các xã, thị trấn, Giám đốc NHCSXH huyện và thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

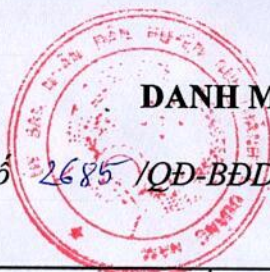
Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Lưu VT-UBND, đăng Cổng TTĐT./.

TRƯỞNG BAN



PHÓ CHỦ TỊCH UBND HUYỆN
Ngô Đức An



Phụ lục

DANH MỤC GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 2685/QĐ-BDD NHCS ngày 03 tháng 4 năm 2024 của Trường Ban đại diện HĐQT NHCSXH huyện Núi Thành)

ĐVT: triệu đồng

STT	Xã/thị trấn	Hỗ trợ việc làm duy trì và mở rộng việc làm Nguồn NHCS huy động		Người chấp hành xong án phạt tù		Hộ nghèo		Hộ cận nghèo		Hộ mới thoát nghèo		NSVSMTNT		Hộ SXKD VKK	
		Chỉ tiêu giao tăng/giảm (+,-)	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2024	Chỉ tiêu giao tăng/giảm (+,-)	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2024	Chỉ tiêu giao tăng/giảm (+,-)	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2024	Chỉ tiêu giao tăng/giảm (+,-)	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2024	Chỉ tiêu giao tăng/giảm (+,-)	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2024	Chỉ tiêu giao tăng/giảm (+,-)	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2024	Chỉ tiêu giao tăng/giảm (+,-)	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2024
01	Tam Xuân 1	300	3.433	0	0	-50	82	1.500	20.562	-480	3.035	600	14.364	0	0
02	Tam Xuân 2	300	3.598	0	0	0	88	500	7.184	-380	1.055	400	14.197	0	0
03	Tam Anh Nam	300	2.478	0	0	-30	30	800	21.146	-230	3.023	420	10.824	0	100
04	Tam Hiệp	500	5.409	150	150	-20	30	0	280	-47	529	500	8.498	0	0
05	TT Núi Thành	200	4.902	30	30	0	0	0	50	-53	388	0	0	0	0
06	Tam Nghĩa	300	3.891	100	100	0	0	0	50	-55	151	400	8.625	0	0
07	Tam Mỹ Đông	400	4.259	0	0	-20	29	0	45	-70	690	500	7.725	0	0
08	Tam Quang	400	4.044	50	50	-150	487	0	750	-230	528	400	16.893	0	0
09	Tam Hải	1.000	4.145	0	0	-120	93	5.200	28.798	-300	1.044	500	15.001	-5.000	4.218
10	Tam Hòa	300	2.653	0	0	0	90	3.000	19.353	-515	2.020	480	11.943	0	0
11	Tam Tiến	1.100	2.718	0	0	-80	18	5.000	54.508	0	100	700	10.337	-8.000	63
12	Tam Giang	300	6.276	0	0	0	39	0	1.007	0	363	400	8.047	0	0
13	Tam Sơn	1.000	4.400	100	100	-100	369	0	790	-330	646	700	6.142	-6.500	7.092
14	Tam Thạnh	600	3.488	0	0	-100	379	0	281	-640	3.264	900	4.711	-4.000	8.702
15	Tam Trà	400	1.859	0	0	-180	1.137	1.500	11.881	-470	3.433	200	6.675	-2.500	9.649
16	Tam Anh Bắc	300	1.474	0	0	-100	84	500	15.816	-140	498	500	8.123	0	0
17	Tam Mỹ Tây	300	5.475	70	70	-50	196	0	180	-60	619	400	8.612	0	13
Tổng cộng		8.000	64.500	500	500	-1.000	3.150	18.000	182.681	-4.000	21.385	8.000	160.714	-26.000	29.837